

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH LÂM ĐỒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 02/2020/KDTM-PT

Ngày: 26-02-2020

V/v “Tranh chấp Hợp đồng tín dụng”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH L**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Huỳnh Châu Thạch

Các Thẩm phán:

Bà Lê Thị Vân

Ông Nguyễn Văn Thanh

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Tâm – Thư ký Tòa án, Toà án nhân dân tỉnh Lâm Đồng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh L tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Minh Hương – Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 02 năm 2020 tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Lâm Đồng; xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý 13/2019/TLPT-KDTM ngày 26 tháng 12 năm 2019 về tranh chấp: “Hợp đồng tín dụng”.

Do Bản án Kinh doanh thương mại sơ thẩm số 02/2019/KDTM-ST ngày 05/02/2019 của Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Lâm Đồng bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 18/2020/QĐ-PT ngày 05 tháng 02 năm 2020 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Quỹ đầu tư phát triển L. Địa chỉ: số 20, đường P, Phường 4, thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng.

Người đại diện hợp pháp:

- Bà Trương Thị L, là người đại diện theo pháp luật (Giám đốc).

- Ông Nguyễn Phương Đại Ngh, sinh năm: 1983; cư trú tại số 11A, đường T, Phường 4, thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng, là người đại diện theo ủy quyền (Văn bản ủy quyền ngày 26/3/2019), có mặt.

Bị đơn: Công ty trách nhiệm hữu hạn B. Địa chỉ: Số 74, đường H, Phường 2, thành phố B, tỉnh Lâm Đồng.

Người đại diện hợp pháp:

- Ông Phạm Bá S, là người đại diện theo pháp luật (Giám đốc).

- Ông Trần Ngọc Th, sinh năm: 1973; cư trú tại số 157/3, đường H, Phường 1, thành phố B, tỉnh Lâm Đồng, là người đại diện theo ủy quyền (Văn bản ủy quyền ngày 24/6/2019), có mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Ủy ban nhân dân tỉnh L. Địa chỉ: số 04, đường T, Phường 3, thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng.

Người đại diện hợp pháp:

- Ông Đoàn Văn V, là người đại diện theo pháp luật (Chủ tịch Ủy ban nhân dân).

- Ông Nguyễn Sô, là người đại diện theo ủy quyền (Văn bản ủy quyền số 2240/UBND-TD ngày 18/4/2019), vắng mặt.

Người kháng cáo:

- Quỹ đầu tư phát triển L – Nguyên đơn

- Công ty trách nhiệm hữu hạn B – Bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện ghi ngày 31/5/2016 của Quỹ đầu tư phát triển L, lời trình bày tại các bản tự khai và trong quá trình tham gia tố tụng tại giai đoạn sơ thẩm của ông Nguyễn Phương Đại Ngh, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn, thì:

Vào ngày 21/9/2012 Quỹ đầu tư phát triển L (gọi tắt là Quỹ đầu tư) và Công ty trách nhiệm hữu hạn B (gọi tắt là Công ty B) đã giao kết Hợp đồng tín dụng số 11/2012/HĐTD-QĐTPT theo đó Quỹ đầu tư đồng ý cấp tín dụng cho Công ty B vay số tiền 25.000.000.000đ, lãi suất vay 12%/năm, thời hạn vay 11 năm; mục đích vay để đầu tư cơ sở hạ tầng xây Trường mầm non tư thục B.

Thực hiện Hợp đồng tín dụng nêu trên, Quỹ đầu tư đã giải ngân cho Công ty B 5 lần tổng số tiền là 25.000.000.000đ. Để đảm bảo cho khoản vay vừa nêu, Công ty B đã thế chấp cho Quỹ đầu tư phát triển L các tài sản theo Hợp đồng thế chấp tài sản số 12/2012/HĐBĐTIV- QĐTPT ngày 15/10/2012, gồm toàn bộ giá trị dự án đầu tư là Trường mầm non tư thục B, tại thửa đất số 58, tờ bản đồ số 9 (F.135.III); địa chỉ: số 74, đường H, Phường 2, thành phố B (được Ủy ban nhân dân tỉnh L cấp Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất; số sổ BK 045917 ngày 26/9/2012); Giấy phép xây dựng số 95/GPXD ngày 28/12/2007 do Sở Xây dựng tỉnh L cấp và Thương quyền kinh doanh dự án sau đầu tư và các khoản tiền bảo hiểm của tất cả tài sản cũng đều là tài sản đảm bảo; trường hợp bên thế chấp làm tăng thêm giá trị của tài sản thế chấp hoặc mở rộng quy mô dự án, thì các hạng mục tăng thêm cũng thuộc tài sản thế chấp cho khoản vay tại Quỹ đầu tư và Phụ lục hợp đồng thế chấp số 05/2013/PLHĐBĐTV-QĐTPT

ngày 08/11/2012. Tuy nhiên, trong quá trình thực hiện, Công ty B đã vi phạm cam kết không trả gốc và không trả lãi theo đúng Hợp đồng tín dụng đã ký. Sau rất nhiều lần yêu cầu nhưng Công ty B vẫn không thanh toán trả gốc và lãi, không khắc phục, mà tiếp tục vi phạm. Trước tình hình nêu trên, hai bên đã nhiều lần làm việc; thương lượng. Căn cứ vào Biên bản làm việc ngày 11/9/2015 và Văn bản số 280/QĐTPT ngày 05/11/2015 của Quỹ đầu tư thì cho tới hết ngày 31/05/2019, Công ty B còn nợ Quỹ đầu tư số tiền sau:

+ Tiền gốc còn nợ là : 21.318.000.000đ.

+ Tiền lãi tính đến hết ngày 31/10/2015 sau khi đã điều chỉnh theo nội dung Biên bản làm việc ngày 11/09/2015 và Văn bản số 280/QĐTPT ngày 05/11/2015 là: 2.096.518.000đ. Trong đó lãi theo hợp đồng trên số dư nợ gốc là 9.130.821.418đ, tổng lãi chậm trả trên lãi vay là 640.097.863đ; tổng lãi trên gốc chậm trả là 263.959.000đ; số tiền lãi được trừ theo Văn bản số 280/QĐTPT là 881.880.000đ; tổng số lãi đã thanh toán là 7.056.480.282đ; tổng số tiền lãi từ ngày 01/11/2015 đến hết ngày 31/05/2019 là: 8.677.834.000đ. Trong đó, lãi trên số tiền gốc là 6.506.250.000đ; tiền lãi chậm trả trên số tiền lãi = 2.136.845.000đ; tổng lãi chậm trả gốc = 278.771.000đ; tổng số lãi đã thanh toán là 244.032.000đ.

Do vậy nguyên đơn đề nghị Tòa án buộc Công ty B phải thanh toán trả cho Quỹ đầu tư phát triển L tổng số tiền gốc, lãi là 32.092.352.000đ (trong đó có 21.318.000.000đ là tiền gốc và 10.774.352.000đ là tiền lãi) đồng thời đề nghị duy trì tài sản thế chấp để đảm bảo thi hành án theo Hợp đồng thế chấp tài sản số 12/2012/HĐBĐTV-QĐTPT ngày 15/10/2012 và Phụ lục hợp đồng thế chấp số 05/2013/PLHĐBĐTV-QĐTPT ngày 08/11/2012.

- Ông Trần Ngọc Th, người đại diện theo ủy quyền của Công ty B, thống nhất với lời trình bày của người đại diện theo ủy quyền của Quỹ đầu tư phát triển L về các khoản vay gốc, lãi suất, thời hạn trả và việc thế chấp tài sản.

Theo phụ lục hợp đồng số 4/2015/PLHĐTD-QĐTPT thì số kỳ trả, ngày trả số tiền trên như sau:

Lần 1: ngày 15/01/2017 trả 481.000.000đ; lần 2: ngày 15/4/2017 trả 500.000.000đ; lần 3: ngày 15/7/2017 trả 500.000.000đ; lần 4: ngày 15/10/2017 trả 600.000.000đ; lần 5: ngày 15/01/2018 trả 600.000.000đ; lần 6: ngày 15/4/2018 trả 600.000.000đ; lần 7: ngày 15/7/2018 trả 600.000.000đ; lần 8: ngày 15/10/2018 trả 700.000.000đ; lần 9: ngày 15/01/2019 trả 700.000.000đ; lần 10: ngày 15/04/2019 trả 700.000.000đ; lần 11: Ngày ...lần thứ 28: ngày 15/10/2023 trả 1.100.000.000đ.

Nay Quỹ đầu tư phát triển L yêu cầu Công ty B trả lại tổng số tiền gốc cộng lãi là 32.092.352.000đ, trong đó thu hồi nợ trước thời hạn số tiền gốc là 21.318.000.000đ; số tiền lãi là 10.774.352.000đ thì Công ty B không đồng ý với 02 lý do sau:

+ Đối với số tiền nợ gốc 21.318.000.000đ: Căn cứ vào Văn bản số 280/QĐTPT ngày 05/11/2015 giữa Quỹ đầu tư phát triển L và Công ty B về việc thống nhất cho gia hạn khoản tiền nợ trên; căn cứ vào phụ lục hợp đồng số 04/PLHĐTD ngày 29/11/2015 thì Quỹ đầu tư đồng ý cho Công ty B trả thành 28 kỳ, số kỳ lần 1 trả vào ngày 15/01/2017 và kỳ cuối cùng trả hết nợ vào ngày 15/10/2023. Do đó Công ty B đề nghị Quỹ đầu tư cho Công ty B tiếp tục được trả nợ theo phụ lục hợp đồng số 04/PLHĐTD ngày 29/11/2015.

+ Về khoản tiền lãi suất là 10.774.352.000đ: Công ty B không đồng ý với cách tính lãi của Quỹ đầu tư phát triển L, đề nghị Quỹ đầu tư phải tính lãi suất của số tiền gốc nêu trên theo mức điều chỉnh hạ lãi suất cho từng năm đối với khoản vay tín dụng đầu tư theo quy định tại các Thông tư của Bộ Tài chính.

- Theo lời trình bày của ông Nguyễn Sô, người đại diện theo ủy quyền của Ủy ban nhân dân tỉnh L, thì: Ngày 20/02/2006 Ủy ban nhân dân tỉnh L ban hành Quyết định số 860/ QĐ – UBND v/v thu hồi đất và cho Công ty B thuê để xây dựng mở rộng nhà xưởng, diện tích đất thu hồi và cho thuê là 12.677m² tại thửa số 58, tờ bản đồ số F.135.II, Phường 2, thị xã B (nay là thành phố B); thời hạn thuê là 50 năm kể từ ngày ban hành Quyết định này. Ngày 24/4/2006 Ủy ban nhân dân tỉnh L ủy quyền cho Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh L ký hợp đồng cho Công ty B thuê diện tích 12.677m² đất nêu trên. Sau khi Ủy ban nhân dân tỉnh L có quyết định điều chỉnh mục đích sử dụng đất cho thuê nêu trên. Công ty B xây dựng Trường tư thực mầm non B trên diện tích đất này, thì đến ngày 26/9/2012 Ủy ban nhân dân tỉnh L cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất cho Công ty B. Diện tích đất nêu trên do Ủy ban nhân dân tỉnh L cho Công ty B thuê và trả tiền thuê đất hàng năm. Công ty B là tổ chức được Nhà nước cho thuê đất trả tiền thuê đất hàng năm, theo quy định của luật đất đai tài sản trên đất bị phát mãi, bán đấu giá tài sản gắn liền với đất để trả nợ theo Bản án của Tòa án, thì người mua trúng đấu giá tài sản tiếp tục được thuê đất trong thời hạn sử dụng còn lại theo giá đất cụ thể và đảm bảo các điều kiện cụ thể theo quy định tại điều 189 Luật Đất đai năm 2013.

Tòa án đã tiến hành hòa giải nhưng không hòa giải được.

Tại Bản án số 02/2019/KDTM-ST ngày 02/10/2019; Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Lâm Đồng đã xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Quỹ đầu tư phát triển L về “Tranh chấp kinh doanh thương mại về hợp đồng tín dụng” giữa nguyên đơn Quỹ đầu tư phát triển L và Công ty trách nhiệm hữu hạn B.

Buộc Công ty trách nhiệm hữu hạn B phải có trách nhiệm trả cho Quỹ đầu tư phát triển L số tiền vay gốc còn nợ là 21.318.000.000đ; cộng các khoản tiền lãi phát sinh trong hạn là 8.232.701.000đ; tổng cộng gốc và lãi là 29.550.701.000đ (Hai mươi chín tỷ năm trăm năm mươi triệu bảy trăm lẻ một nghìn đồng).

Ngoài ra Bản án còn tuyên về án phí, lãi suất và trách nhiệm thi hành án của đương sự.

Ngày 14/10/2019 Công ty B có đơn kháng cáo đề nghị hủy toàn bộ Bản án sơ thẩm do cấp sơ thẩm vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng và chưa xem xét áp dụng các Thông tư của Bộ Tài chính để điều chỉnh lãi suất, làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích của bị đơn.

Ngày 17/10/2019 Quỹ đầu tư tỉnh L có đơn kháng cáo đề nghị buộc Công ty B phải trả cả khoản lãi chậm trả theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa,

Các đương sự vẫn giữ nguyên kháng cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh L phát biểu về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án. Về nội dung: Đề nghị hủy toàn bộ Bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Xuất phát từ việc giữa Quỹ đầu tư phát triển L và Công ty trách nhiệm hữu hạn B xác lập Hợp đồng tín dụng số 11/2012/HĐTD-QĐTPT ngày 21/9/2012 theo đó Quỹ đầu tư cho Công ty B vay số tiền 25.000.000.000đ, lãi suất cho vay là 12%/năm, thời hạn vay là 11 năm, mục đích vay là để đầu tư cơ sở hạ tầng xây Trường mầm non tư thục B, Quỹ đầu tư đã giải ngân cho Công ty B 05 lần tổng số tiền là 25.000.000.000đ như hợp đồng đã giao kết. Để đảm bảo cho khoản tiền vay, Công ty B đã thế chấp cho Quỹ đầu tư phát triển L các tài sản theo Hợp đồng thế chấp tài sản số 12/2012/HĐBĐTIV-QĐTPT ngày 15/10/2012 gồm toàn bộ giá trị dự án đầu tư là Trường mầm non tư thục B tại thửa đất số 58, tờ bản đồ số 9 (F.135.III), tọa lạc tại số 74, đường H, Phường 2, thành phố B, tỉnh Lâm Đồng theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số BK 045917 do Ủy ban nhân dân tỉnh L cấp ngày 26/9/2012, Giấy phép xây dựng số 95/GPXD ngày 28/12/2007 do Sở Xây dựng tỉnh L cấp và quyền kinh doanh dự án sau đầu tư, các khoản tiền bảo hiểm của tất cả các tài sản. Quá trình thực hiện hợp đồng do bên vay không thực hiện nghĩa vụ trả nợ như đã cam kết của mình nên Quỹ đầu tư khởi kiện yêu cầu bị đơn phải thanh toán các khoản tiền còn nợ và tiền lãi trong hạn, quá hạn, trường hợp không thanh toán được thì yêu cầu được phát mãi các tài sản thế chấp. Cấp sơ thẩm xác định đây là tranh chấp Kinh doanh thương mại và quan hệ tranh chấp giữa các bên là “*Tranh chấp Hợp đồng tín dụng*” là phù hợp với quy định của pháp luật.

[2] Qua xem xét thì thấy rằng việc Quỹ đầu tư cho Công ty B vay tiền là có xảy ra trong thực tế, quá trình giải quyết vụ án tại giai đoạn sơ thẩm và tại phiên

tòa hôm nay, các đương sự thống nhất về khoản nợ gốc còn lại, chỉ tranh chấp về thời gian trả nợ, số tiền phải trả và lãi suất mà nguyên đơn yêu cầu.

Theo hồ sơ thể hiện thì sau khi hai bên tiến hành thực hiện giao dịch vay vốn, đến ngày 05/11/2015 giữa Quỹ đầu tư phát triển L và Công ty B lập Văn bản số 280/QĐTPT thống nhất gia hạn khoản tiền nợ trên; căn cứ vào phụ lục hợp đồng số 04/PLHĐTD ngày 29/11/2015 thì Quỹ đầu tư đồng ý cho Công ty B trả thành 28 kỳ, số kỳ lần 1 trả vào ngày 15/01/2017 và kỳ cuối cùng trả hết nợ vào ngày 15/10/2023.

Quá trình thực hiện Hợp đồng tín dụng, phụ lục hợp đồng thì Công ty B đã vi phạm thời hạn trả nợ như đã cam kết, do vậy Quỹ đầu tư và phát triển có đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn phải trả toàn bộ số nợ gốc còn thiếu và lãi suất chưa thanh toán là phù hợp với quy định của pháp luật và có căn cứ chấp nhận.

[3] Xét kháng cáo của nguyên đơn thì thấy rằng:

[3.1] Theo nội dung tại điểm đ khoản 1 Điều 6 của Hợp đồng tín dụng số 11/2012/HĐTD-QĐTPT ngày 21/9/2012 thì “...*Bên A (Quỹ đầu tư) được chuyển toàn bộ dư nợ gốc còn lại của Hợp đồng tín dụng này sang nợ quá hạn và áp dụng lãi suất quá hạn đối với dư nợ gốc của kỳ hạn mà bên B (Công ty B) không trả đúng hạn. Đối với phần nợ gốc chưa đến hạn trả nợ chung phải chuyển nợ quá hạn thì vẫn áp dụng mức lãi suất cho vay trong hạn*”; tại khoản 2 của Điều 2 của Hợp đồng tín dụng nói trên đã quy định “*lãi suất nợ quá hạn bằng 150% lãi suất cho vay trong thời hạn quy định tại khoản 1 Điều này*”. Như vậy giữa các bên có thỏa thuận về việc phải chịu khoản lãi quá hạn trên số nợ đến hạn mà bên vay chưa thanh toán, việc thỏa thuận này phù hợp với các quy định của pháp luật. Cấp sơ thẩm đã tính lãi trong hạn trên số nợ gốc mà bị đơn chưa trả nhưng lại không tính lãi quá hạn đối với các khoản tiền nợ gốc đã chuyển quá hạn mà lại tách ra để giải quyết bằng một vụ án khác là không triệt để, không phù hợp với quy định của pháp luật cũng như thỏa thuận giữa các đương sự, làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của Quỹ đầu tư phát triển tỉnh L, dẫn đến khó khăn trong giai đoạn thi hành án bởi lẽ trong khối tài sản mà bị đơn thế chấp để vay tiền là đảm bảo thi hành cho cả khoản tiền gốc và lãi (cả trong hạn và quá hạn) phát sinh sau này, trong trường hợp chỉ thi hành cho khoản nợ gốc và lãi trong hạn thì cũng phải chờ việc giải quyết đối với yêu cầu tính lãi quá hạn của nguyên đơn.

[3.2] Như vậy việc xem xét yêu cầu tính lãi quá hạn của nguyên đơn phải được giải quyết trong cùng vụ án, quá trình giải quyết cần căn cứ vào thỏa thuận giữa các đương sự, quy định của pháp luật để giải quyết chấp nhận hay không chấp nhận, đảm bảo tính thống nhất và triệt để khi xem xét các yêu cầu của đương sự. Cấp sơ thẩm không giải quyết và tách phần yêu cầu tính lãi quá hạn vừa nêu là không chính xác, nay nguyên đơn có đơn kháng cáo yêu cầu tính lãi quá hạn thì cấp phúc thẩm không thể xem xét và không thể khắc phục được bởi lẽ dù có chấp

nhận hay không chấp nhận cũng không đảm bảo nguyên tắc hai cấp xét xử theo quy định tại Điều 17 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

[4] Đối với kháng cáo của Công ty trách nhiệm hữu hạn B đề nghị đưa Bộ Tài chính tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan với lý do nguồn vốn là do Quỹ đầu tư tỉnh L nhận ủy thác từ Bộ Tài chính thì thấy rằng:

[4.1] Quỹ đầu tư phát triển L thành lập theo Quyết định số 35/2008/QĐ-UBND ngày 29/8/2008; hoạt động theo điều lệ tổ chức và hoạt động của Quỹ đầu tư phát triển được ban hành tại Quyết định số 36/2008/QĐ-UBND ngày 29/8/2008, sau đó được thay thế bằng Quyết định số 277/QĐ-UBND ngày 13/02/2014 của Ủy ban nhân dân tỉnh L, với các chức năng:

- * Tiếp nhận vốn ngân sách của tỉnh Lâm Đồng, vốn tài trợ, viện trợ; huy động các nguồn vốn trung và dài hạn từ các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước theo quy định của pháp luật để tạo nguồn vốn thực hiện các dự án đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội; đầu tư phát triển nhà ở trên địa bàn tỉnh để bán, cho thuê hoặc cho thuê mua theo chương trình phát triển nhà ở đã được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt; cho vay đối với các đối tượng thu nhập thấp có nhu cầu vay vốn với lãi suất ưu đãi để cải thiện nhà ở; ứng vốn, thu hồi vốn và ứng chi hỗ trợ trong lĩnh vực bồi thường, hỗ trợ và tái định cư, tạo quỹ đất và phát triển quỹ đất phục vụ phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

- * Tiếp nhận, quản lý nguồn vốn ủy thác từ các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước để thực hiện các hoạt động theo hợp đồng ủy thác về hỗ trợ đầu tư hoặc tài trợ cho các dự án đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội; đầu tư phát triển nhà ở trên địa bàn tỉnh để bán, cho thuê hoặc cho thuê mua theo chương trình phát triển nhà ở đã được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt; đầu tư phát triển quỹ đất phục vụ phát triển kinh tế - xã hội của địa phương và phát hành trái phiếu chính quyền địa phương theo ủy quyền của Ủy ban nhân dân tỉnh để huy động vốn cho ngân sách tỉnh.

- * Nhận ủy thác quản lý hoạt động của Quỹ bảo lãnh tín dụng cho doanh nghiệp vừa và nhỏ và một số Quỹ khác do Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định thành lập; ủy thác thực hiện một số chức năng phát triển nhà ở cho các tổ chức có năng lực theo quy định của pháp luật.

- * Thực hiện đầu tư trực tiếp vào các dự án đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội của tỉnh; đầu tư phát triển nhà ở trên địa bàn tỉnh để bán, cho thuê hoặc cho thuê mua theo chương trình phát triển nhà ở đã được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt; cho vay đầu tư, góp vốn thành lập doanh nghiệp; ủy thác cho vay đầu tư, thu hồi nợ theo quy định tại Nghị định 138/2007/NĐ-CP, Nghị định 37/2013/NĐ-CP của Chính phủ.

* Phối hợp với các tổ chức tài chính, tín dụng trên địa bàn tỉnh cùng thực hiện cho vay, tài trợ tài chính cho các dự án đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội; đầu tư phát triển nhà ở trên địa bàn tỉnh để bán, cho thuê hoặc cho thuê mua theo chương trình phát triển nhà ở đã được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt.

Trong thực tế nguồn vốn của Quỹ đầu tư là tài sản nhà nước, theo khoản 3 Điều 2 của điều lệ tổ chức và hoạt động của Quỹ đầu tư phát triển được ban hành kèm theo Quyết định số 277/QĐ-UBND nói trên thì ngoài vốn điều lệ là 124.500.000.000đ; Quỹ đầu tư được Ủy ban nhân dân tỉnh L giao nhiệm vụ quản lý một số Quỹ theo Quyết định thành lập của Ủy ban nhân dân tỉnh bao gồm Quỹ phát triển nhà, Quỹ phát triển đất, Quỹ bảo trì đường bộ. Trong thực tế Bộ Tài chính là cơ quan thực hiện chức năng quản lý nhà nước trong lĩnh vực tài chính – ngân sách, ngoài việc thực hiện công tác quản lý chung với vai trò là một Bộ như các Bộ khác trong cơ cấu tổ chức của bộ máy nhà nước thì Bộ Tài chính thực hiện nhiệm vụ quản lý các lĩnh vực cụ thể trong phạm vi của mình như: quản lý ngân sách nhà nước, quản lý thuế, phí, lệ phí và thu khác của ngân sách nhà nước, quản lý quỹ ngân sách, quỹ dự trữ tài chính nhà nước và các quỹ tài chính khác của Nhà nước, quản lý dự trữ quốc gia, quản lý tài sản nhà nước, công tác kiểm tra, thanh tra,...); quản lý trong lĩnh vực hải quan; kế toán; kiểm toán độc lập; giá; chứng khoán; bảo hiểm; hoạt động dịch vụ tài chính và dịch vụ khác thuộc phạm vi quản lý nhà nước của bộ; thực hiện đại diện chủ sở hữu phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp theo quy định của pháp luật.

Theo quy định tại khoản 2 Điều 5 Nghị định 138/2007/NĐ-CP ngày 28/8/2007 thì của Chính phủ thì Bộ Tài chính thực hiện chức năng quản lý nhà nước về tài chính; ban hành Điều lệ mẫu về tổ chức và hoạt động của Quỹ đầu tư phát triển địa phương; ban hành Quy chế quản lý tài chính đối với Quỹ đầu tư phát triển địa phương; thực hiện giám sát, kiểm tra, thanh tra hoạt động của Quỹ đầu tư phát triển địa phương, việc tranh chấp giữa Quỹ đầu tư phát triển L và Công ty B về bản chất là tranh chấp về quyền và nghĩa vụ giữa các bên khi tham gia giao kết hợp đồng tín dụng nên không cần thiết phải đưa Bộ Tài chính vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền, nghĩa vụ liên quan trong vụ án nói trên.

[5] Ngoài ra, tranh chấp giữa các bên là tranh chấp Hợp đồng tín dụng, việc tính lãi suất đối với việc chậm thi hành án được thực hiện theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 13 Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao; cấp sơ thẩm lại căn cứ vào khoản 2 Điều 357 Bộ luật Dân sự năm 2015 để tính lãi suất chậm thi hành án là trái với quy định vừa viện dẫn.

[6] Vụ án được Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lần đầu vào ngày 24/01/2017 (Bản án số 01/2017/KDTM-ST); các Hội thẩm nhân dân tham gia giải quyết vụ án là ông Cẩm Văn N và ông Hoàng Xuân T. Do Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành

phổ H hủy Bản án sơ thẩm nói trên và Bản án Dân sự số 01/2017/KDTM-PT ngày 24/4/2017 của Tòa án nhân dân tỉnh L nên vụ án được Tòa án nhân dân thành phố B thụ lý, giải quyết lại theo thủ tục sơ thẩm, tại phiên tòa ngày 02/10/2019 hai Hội thẩm nhân dân tham gia xét xử vẫn là ông Cầm Văn N và ông Hoàng Xuân T. Như vậy cấp sơ thẩm đã vi phạm quy định tại khoản 3 Điều 53 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

[7] Cấp sơ thẩm vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng, chưa áp dụng đầy đủ các quy định của pháp luật, giải quyết vụ án chưa triệt để, làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của các bên đương sự, cấp phúc thẩm không thể khắc phục được nên cần toàn bộ hủy Bản án sơ thẩm, giao hồ sơ cho Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Lâm Đồng để giải quyết lại theo quy định của pháp luật.

[8] Về án phí:

Vụ án được thụ lý lần đầu vào ngày 15/6/2016 (số thụ lý 08/2016/TLST-KDTM), tại thời điểm này Pháp lệnh số 10/2009/PL-UBTVQH12 ngày 27/02/2009 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án có hiệu lực; chưa được thay thế bằng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, cấp sơ thẩm áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 nói trên để tính án phí Kinh doanh thương mại sơ thẩm là chưa chính xác; tuy nhiên do hủy án nên Án phí Kinh doanh thương mại sơ thẩm sẽ được xem xét khi cấp sơ thẩm giải quyết lại vụ án.

Do hủy án nên các đương sự không phải chịu án phí Kinh doanh thương mại phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 3 Điều 308 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;
- Căn cứ khoản 3 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận kháng cáo của Quỹ đầu tư phát triển tỉnh L và một phần kháng cáo của Công ty trách nhiệm hữu hạn B.

Tuyên xử:

1/ Hủy Bản án Kinh doanh thương mại sơ thẩm số 02/2019/KDTM-ST ngày 02 tháng 10 năm 2019 của Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Lâm Đồng về việc “Tranh chấp Hợp đồng tín dụng” giữa nguyên đơn Quỹ đầu tư phát triển tỉnh L và

bị đơn Công ty trách nhiệm hữu hạn B; Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ủy ban nhân dân tỉnh L.

Chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Lâm Đồng giải quyết lại vụ án theo đúng quy định của pháp luật.

2/ Về án phí:

Quỹ đầu tư phát triển tỉnh L được nhận lại số tiền 2.000.000đ tạm ứng án phí Kinh doanh thương mại phúc thẩm đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2016/0016405 ngày 24/10/2019 của Chi cục Thi hành án Dân sự thành phố B, tỉnh Lâm Đồng.

Công ty trách nhiệm hữu hạn B được nhận lại số tiền 2.000.000đ tạm ứng án phí Kinh doanh thương mại phúc thẩm đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2016/0016399 ngày 22/10/2019 của Chi cục Thi hành án Dân sự thành phố B, tỉnh Lâm Đồng.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Lâm Đồng;
- Phòng KT-NV &THA TAND tỉnh Lâm Đồng;
- TAND tp. B, tỉnh Lâm Đồng;
- Chi cục THADS tp. B, tỉnh Lâm Đồng;
- Đương sự (03);
- Lưu: bộ phận lưu trữ, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký)**

Huỳnh Châu Thạch